

luật về đất đai và các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Thủ trưởng cơ quan và người ký quyết định sai với những quy định của Quyết định này hoặc không đúng thẩm quyền thì phải chịu trách nhiệm, nếu có thiệt hại vật chất xảy ra thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 15. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng tổ chức, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 148/1999/QĐ-TTg ngày 07/7/1999 về việc sửa đổi đoạn đầu của điểm b, khoản 1, mục II, Điều 1 của Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997-QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật

Các tổ chức tín dụng số 02/1997-QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Xét đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi đoạn đầu của điểm b, khoản 1, mục II, Điều 1 của Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn như sau:

Đối với hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, ngân hàng cho vay đến 10 triệu đồng, người vay không phải thế chấp tài sản, chỉ nộp kèm theo đơn xin vay giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về diện tích đất đang sử dụng, không có tranh chấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 150/1999/QĐ-TTg ngày 08/7/1999 về việc tổng kiểm kê tài sản và xác định lại giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để đánh giá đúng thực trạng, số lượng, cơ cấu, giá trị tài sản do doanh nghiệp nhà nước đang quản lý và sử dụng; từng bước xử lý những tồn tại về tài sản góp phần làm lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp; để có căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước; trước mắt là kế hoạch 5 năm 2001 - 2005; tiếp tục hoàn thiện quy chế quản lý kinh tế nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn và tài sản, bảo toàn vốn và phát triển vốn nhà nước của doanh nghiệp nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tổ chức tổng kiểm kê toàn bộ tài sản do doanh nghiệp nhà nước đang quản lý và sử dụng bao gồm: tài sản cố định, tài sản lưu động và các tài sản khác; xác định các nguồn vốn hiện có tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 1 năm 2000;

2. Xác định lại giá trị của một số tài sản cố định thuộc một số ngành và doanh nghiệp mà giá hạch toán trên sổ kế toán chênh lệch so với giá thực tế theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương kỳ này.

Điều 2. Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê tài sản và xác định lại giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương (gọi tắt là Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương).

1. Thành phần Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương gồm:

- Trưởng Ban: Bộ trưởng Bộ Tài chính,
- Phó Trưởng Ban thường trực: Thứ trưởng Bộ Tài chính,
- Phó Trưởng ban: Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê,

- Các ủy viên: Thứ trưởng các Bộ: Xây dựng, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Phó Trưởng Ban Vật giá Chính phủ. Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương đặt tại Bộ Tài chính và do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bộ máy giúp việc.

2. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương:

a) Xây dựng phương án tiến hành kiểm kê và xác định lại giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp nhà nước;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp nhà nước thực hiện việc kiểm kê theo quy định tại Điều 1. Quyết định này;

c) Xem xét, tổng hợp, đánh giá kết quả kiểm kê và xác định lại giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê để hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra và xem xét tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê của các doanh nghiệp nhà nước thuộc quyền quản lý của mình. Tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập thành lập Hội đồng kiểm kê để thực hiện nhiệm vụ kiểm kê tài sản và vốn theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương và các cấp. Báo cáo kết quả kiểm kê của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý theo đúng tiến độ quy định.

Thành phần và nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo kiểm kê các cấp và Hội đồng kiểm kê Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập do Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương quy định.

096281

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6884

Điều 4. Thời điểm báo cáo kết quả kiểm kê:

- Các doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, Tổng công ty 90 hoàn thành báo cáo kiểm kê gửi cho cơ quan quản lý cấp trên trước ngày 31 tháng 3 năm 2000;

- Các Bộ, ngành, địa phương, Tổng công ty 91 hoàn thành báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê gửi cho Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương trước ngày 31 tháng 5 năm 2000 (báo cáo kết quả kiểm kê của Tổng công ty 91 đồng gửi Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật);

- Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương tổng hợp kết quả kiểm kê báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 7 năm 2000.

Điều 5. Kinh phí thực hiện tổng kiểm kê phải hết sức tiết kiệm, theo hướng:

Kinh phí thực hiện kiểm kê của các doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý.

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương và các Bộ, ngành, địa phương được ghi bổ sung dự toán ngân sách năm 1999 và đưa vào kế hoạch ngân sách năm 2000.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 7. Trưởng Ban Chỉ đạo kiểm kê Trung ương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 152/1999/QĐ-TTg ngày 10/7/1999 về việc phê duyệt Chiến lược quản lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993 và Chủ tịch nước ký Lệnh số 29/L-CTN công bố ngày 10 tháng 01 năm 1994;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 08/TTr-BXD ngày 23 tháng 2 năm 1999,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược quản lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

Từng bước hình thành một hệ thống đồng bộ về công tác quản lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp nhằm kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Mục tiêu trước mắt (đến năm 2005):

- Tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện xong việc lập quy hoạch quản lý và xử lý chất thải rắn tại các đô thị và khu công nghiệp, trong đó ưu tiên quy hoạch các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh; đóng cửa các bãi chôn lấp